

Số: 572/2018/QĐST-HNGĐ

Quận X, ngày 15 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 503/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu X, sinh năm: 1975; địa chỉ: 169/5 Q, Phường Z, Quận X, Thành phố Y;

Bị đơn: Ông Phạm Quốc Vũ, sinh năm: 1974; địa chỉ: 198/7A/15 B, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu X, sinh năm: 1975; địa chỉ: 169/5 Q, Phường Z, Quận X, Thành phố Y;

Bị đơn: Ông Phạm Quốc Vũ, sinh năm: 1974; địa chỉ: 198/7A/15 B, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu X và ông Phạm Quốc Vũ

thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 129, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường C, Quận M cấp ngày 28/9/2001 không còn giá trị pháp lý).

b) Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Thu X trực tiếp nuôi 02 con chung là trẻ Phạm Nguyễn Tường V1 (Nữ, sinh ngày 03/6/2003) và trẻ Phạm Nguyễn Tường V2 (Nữ, sinh ngày 31/7/2009). Việc cấp dưỡng nuôi con chung bà X và ông V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông V được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

c) Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

d) Về án phí: Về án phí hôn nhân và gia đình là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Bà Nguyễn Thị Thu X tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0009186 ngày 10/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; Bà X được hoàn trả số tiền chênh lệch là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận X;
- UBND Phường 9, Quận 10;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Mỹ Duyên